

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 13/05/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 69

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật! Ở trước, chúng tôi đã dùng thời gian gần hai tiết học để giới thiệu cho các đồng tu về diệu đức của Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc. Diệu đức của các Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc là vô lượng vô biên, không thể tính đếm. Giống như biển lớn, bạn có thể tính ra được lượng nước biển chẳng? 15 loại diệu đức của Bồ-tát ở Cực Lạc mà tôi giới thiệu cho các đồng tu chỉ là những gợn sóng nhỏ trong biển lớn mà thôi. Chúng ta hãy ôn lại một chút về 15 loại diệu đức này nhé:

1. Trí tuệ rộng sâu tựa như biển cả.
2. Bô-đề cao rộng như núi Tu-di.
3. Uy quang của thân vượt hơn nhật nguyệt.
4. Tâm ấy trong sạch ví như tuyết sơn.
5. Nhẫn nhục như đất, bình đẳng tất cả.
6. Thanh tịnh như nước, rửa sạch trần cấu.
7. Hùng hực như lửa, đốt củi phiền não.
8. Không chấp trước như gió, chẳng có các chướng ngại.
9. Pháp âm như sấm vang, giác ngộ kẻ chưa giác.
10. Tuôn mưa pháp cam lộ để thấm nhuần chúng sanh.
11. Tâm rộng như hư không, đại từ bình đẳng.
12. Như hoa sen thanh tịnh, lia xa ô nhiễm.
13. Như cây ni-câu, che bóng rộng lớn.
14. Như chùy kim cang, phá tan tà chấp.
15. Như núi Thiết-vi, chúng ma ngoại đạo không lay chuyển được.

Tiếp theo nói về cảm ngộ thứ hai.

Cảm ngộ thứ hai: chỉ có thật sự học Bồ-tát thì mới có thể thật làm Bồ-tát, mới có thể làm Bồ-tát thật.

Cảm ngộ này được trình bày qua 5 phương diện sau:

Thứ nhất: vì sao phải học tập Bồ-tát ở Cực Lạc?

Đáp án cho câu hỏi này rất đơn giản, vì chúng ta muốn làm Bồ-tát, và cũng muốn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc làm Bồ-tát. Không học Bồ-tát ở Cực Lạc thì sẽ không tương ưng với thế giới Cực Lạc, không tương ưng với các thượng thiện nhân ở thế giới Cực Lạc, sẽ rất xa lạ với tình hình nơi ấy. Nếu vậy thì không thể đến thế giới Cực Lạc, cũng chẳng thể làm Bồ-tát ở Cực Lạc được.

Lấy ví dụ nói, một học sinh muốn chuyển đến học tập ở một ngôi trường mới, nếu em đó rất hiểu về tình hình giáo viên của trường, đặc biệt là hiểu rõ về các bạn học mà mình sắp học chung, thì việc chuyển trường sẽ rất thuận lợi. Sau khi chuyển đến, em sẽ thích nghi rất nhanh với hoàn cảnh nơi đó và sẽ chung sống hòa hợp với các bạn học.

Chúng ta học tập Bồ-tát ở Cực Lạc chính là làm tốt công tác chuẩn bị cho việc tương lai đến thế giới Cực Lạc làm Bồ-tát.

Thứ hai: học tập Bồ-tát ở Cực Lạc những điều gì?

Học tập công đức chân thật của các Bồ-tát ở Cực Lạc. Công đức chân thật của Bồ-tát ở Cực Lạc vô lượng vô biên, không thể tính đếm, trải vô lượng kiếp lại vô lượng kiếp cũng nói không hết. Mười lăm loại diệu đức mà tôi giới thiệu cho mọi người trước đó chỉ là một giọt nước nhỏ trong đại dương vô lượng công đức chân thật của Bồ-tát Cực Lạc mà thôi.

Trong phẩm kinh văn này có nói đến những điều như: tâm ấy chánh trực, thiện xảo quyết định; luận pháp không chán, cầu pháp không mỏi mệt; giới như lưu ly, trong ngoài sáng sạch; phạm nói điều gì đều khiến người vui tín phục; đánh trống pháp, lập pháp tràng; sáng huệ nhật, phá si ám; thuần tịnh ôn hòa, tịch định chiếu sáng; làm đại đạo sư, điều phục mình và người, dẫn dắt quần sanh, xả các ái trước; vĩnh viễn xa hẳn ba độc, thần thông tự tại; nhân duyên nguyện lực, xuất sanh thiện căn; phá dẹp hết thủy ma quân, tôn trọng phụng sự chư Phật; làm đèn sáng cho thế gian, phước điền tối thắng; cát tường thù thắng, đáng nhận cúng dường; rạng rỡ hoan hỷ, hùng mãnh không sợ sệt; sắc thân tướng hảo, công đức biện tài, đầy đủ trang nghiêm, không ai sánh được; thường được chư Phật cùng

khen ngợi; rớt ráo các ba-la-mật của Bồ-tát, song thường an trụ vào các tam-ma-địa bất sanh bất diệt; hạnh khắp đạo tràng, xa lìa cảnh giới Nhị thừa.

Những điều nói trên đều là công đức chân thật của lợi ích chân thật mà Bồ-tát ở Cực Lạc ban cho chúng sanh. Chúng ta phải phát tâm học tập công đức chân thật của Bồ-tát ở Cực Lạc!

Về phần nội dung công đức chân thật của Bồ-tát ở Cực Lạc, tôi đã giảng khá chi tiết trong lần phúc giảng thứ nhất và thứ hai, ở đây sẽ không nói từng chi tiết nữa.

Thứ ba: học tập công đức chân thật của Bồ-tát ở Cực Lạc như thế nào?

Dùng tâm chân thành mà học. Một chữ “chân”, một chữ “thành” là học được. Vì sao vậy? Bởi vì công đức của Bồ-tát ở Cực Lạc là chân thật. Một chữ “chân”, một chữ “thật”, chân là không giả, thật là không hư. Hãy nghĩ xem, công đức của Bồ-tát ở Cực Lạc là chân thật không hư dối, nếu chúng ta dùng tâm giả dối hời hợt để học thì có học được không? Đừng giở trò khôn lỏi, hãy dùng tâm chân thật mà học. Thật sự học thì bạn có thể làm Bồ-tát, hơn nữa còn là Bồ-tát thật.

Thứ tư: bắt đầu từ đâu, dùng phương pháp gì để học?

Bắt đầu từ cuộc sống hằng ngày. Phương pháp là: không rầm rầm rộ rộ, chỉ cần tỉ mỉ từng chút một. Đây là thể hội của cá nhân tôi. Tôi là người không có dục vọng, không có tâm tranh đấu. Tôi cảm thấy tranh tranh đấu đấu rất thấp kém và vô bổ. Tranh cái gì? Đấu cái gì? Tranh đấu qua lại chỉ là trò vô ích. Trong cuộc sống đời thường bình dị, làm những việc nhỏ nhặt không đáng kể, rất nhiều người không để mắt đến, xem chừng bình thường nhưng thực chất lại không tầm thường, có mấy ai tình nguyện làm? Đa số chẳng màng lưu tâm tới.

Từng có người hỏi tôi: “Phước báo của cô từ đâu mà có? Cô đã tích công lũy đức như thế nào?” Tôi bảo họ: tôi chưa từng nghĩ đến việc tích phước báo, cũng chưa từng nghĩ đến việc tích công gì lũy đức gì, thế nhưng không hay không biết, phước báo của tôi hiện tiền; cũng không hay không biết, tôi đã tích công lũy đức. Tích như thế nào? Lũy ra sao? Tôi không biết. Tích khi nào? Lũy khi nào? Tôi cũng chẳng hay. Quyền tôi không có, tiền tôi không xài, tôi là một người học Phật đã quen sống những ngày tháng thanh bần. Trong ký ức của mình, tôi từng làm một “đại công đức chủ” trong cửa Phật, nhưng chỉ có danh mà không có thực, vì tôi chẳng bỏ ra một xu nào. Vậy vì sao tôi lại được làm đại công đức chủ? Qua tìm hiểu mới biết, đó là vì cái danh của tôi lớn. Tôi cũng có một cái “lớn”, đó là

danh lớn. Người ta là tiền lớn, còn tôi là danh lớn. Cuối cùng tôi cũng hiểu ra, có người bảo tôi rằng có kẻ dùng danh nghĩa của tôi để kiếm tiền, xem ra việc này là thật. Ái chà, bà lão này ơi, cái danh của bà sao mà đáng giá thế? Nói đùa với mọi người một chút, tôi phải nghĩ cách gì đó để bản thân kiếm chác một ít trước, tiếc là tôi quá ngốc, chẳng nghĩ ra chiêu trò gì.

Trong kinh văn có bốn câu vô cùng quan trọng: “Công đức chân thật của các Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc kia, tất cả đều như vậy.” Điều này cho chúng ta biết, tất cả Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, từ hạ hạ phẩm vãng sanh cho đến thượng thượng phẩm vãng sanh, công đức chân thật của họ “tất cả đều như vậy”. Hết thấy Bồ-tát đều như thế cả, điều này đã tiêu trừ sự hoài nghi và lo âu của chúng ta. Tương lai chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc cũng là như vậy.

Thứ năm: tôi đã học tập Bồ-tát ở Cực Lạc như thế nào?

Dùng chân tâm mà học, học hiểu được một điều thì thực hành một điều.

Tự bản thân tôi cảm thấy, điều tôi học từ Bồ-tát có hiệu quả nhất chính là: học đức “thuần tịnh ôn hòa” của Bồ-tát để sửa cái tính “bướng bỉnh” của mình. Nghe tôi nói thế, chắc có đồng tu sẽ hỏi: “Cô Lưu, cô cũng bướng bỉnh sao? Chúng con thấy cô rất ôn hòa mà.” Tôi bảo các bạn, người các bạn nhìn thấy là tôi của hiện tại, chứ chưa thấy tôi của ngày xưa. Tôi của hai mươi, ba mươi năm về trước không phải như thế này đâu. Xin nêu hai ví dụ về sự bướng bỉnh của tôi:

Ví dụ thứ nhất: năm xưa, một vị lãnh đạo trực tiếp của tôi mang một xấp hóa đơn đến tìm tôi để thanh toán. Tôi lựa ra những tờ đúng quy định, còn lại bao nhiêu tôi “quăng” trả lại cho lãnh đạo: “Mấy tờ này không đúng quy định, ông cầm về tự đi thanh toán.” Có người nhắc tôi: “Chị bướng bỉnh như vậy, lúc xét thăng chức, lãnh đạo làm sao nói đỡ cho chị được?” Tôi bảo: “Không cần ông ấy nói đỡ cho tôi, tôi cũng chẳng thiết thăng chức.”

Ví dụ thứ hai: năm xưa, đơn vị nơi tôi công tác muốn sa thải một giáo viên dạy thay. Tôi cho rằng việc này không công bằng, sao có thể tùy tiện gán cho người ta tội danh rồi đuổi việc được, chẳng phải là xúc phạm nhân cách sao? Tôi bất bình thay người khác, đến tìm lãnh đạo để lý luận. Lãnh đạo bảo tôi: “Việc này cô đừng quản, trứng không chọi nổi đá đâu.” Tôi nói: “Cứ quản đấy, chọi không được cũng chọi, có sao lại ức hiếp người ta như thế?” Kết quả là tôi đã quản, và “trứng không chọi nổi đá”, vị giáo viên đó vẫn bị sa thải. Than ôi, tôi thấp cổ bé họng mà.

Trước khi vãng sanh, chị tôi đã dặn dò tôi: “Tiểu Vân à, em học Phật rồi, phải sửa cái tính bướng bỉnh của mình đi nhé.” Tôi hứa với chị: “Em sẽ sửa.” Chị ra đi đã 12 năm, tôi học đức “thuần tịnh ôn hòa” của Bồ-tát ở Cực Lạc, đã sửa được tính bướng bỉnh đó. Sửa như thế nào? Tôi chú trọng học tập sự hàm dưỡng bên trong và sự ôn hòa bên ngoài của Bồ-tát, khiến cho thân tâm mình trở nên mềm mại. Hai ví dụ kể trên, nếu đặt vào ngày hôm nay, tôi tuyệt đối sẽ không xử lý như vậy, [lúc đó] tôi đã không đặt mình vào đúng vị trí. Lãnh đạo là quốc chủ, tôi đã hủy báng quốc chủ rồi. Lúc đó vì chưa học Phật nên tôi không hiểu đạo lý này.

Tôi học tập diệu đức “nhẫn nhục như đất, bình đẳng tất cả” của Bồ-tát ở Cực Lạc, nhiếp thọ diệu đức của Bồ-tát thành diệu đức của chính mình, điều này đã giúp tôi thuận lợi vượt qua cửa ải nhẫn nhục suốt gần 20 năm. Nếu không học diệu đức của Bồ-tát, nếu không có tấm gương nhẫn nhục của sư phụ ngài ở phía trước, nếu không phải sợ sư phụ ngài vì tôi mà bị liên lụy, bị chỉ trích, mắng chửi, thì với tính bướng bỉnh này của tôi, những năm qua tôi đã “quậy” cho long trời lở đất lâu rồi. Thế nhưng sư phụ ngài không dạy tôi đối lập với người, ngài dạy tôi nhẫn nhục. Tôi nghe lời sư phụ, kiên trì giữ vững nguyên tắc “bốn không” của mình: không tranh luận, không thảo luận, không biện luận, không giải thích. Tôi vững tin rằng: tà không thắng chánh, mây đen không thể mãi mãi che lấp mặt trời.

Tiếp theo, chúng ta bắt đầu học tập kinh văn phẩm thứ ba mươi hai.

PHẨM BA MƯƠI HAI: THỌ LẠC VÔ CỰC

Kinh văn phẩm này nói về niềm vui và thọ mạng vô tận ở cõi Cực Lạc. Trước hết nói về sự thù thắng của hội chúng cõi ấy và khuyên mọi người hãy thân cận các thánh chúng. Kế đến nói về sự vi diệu của cõi nước Cực Lạc, khuyên bảo mọi người cầu sanh Tịnh độ.

Mời xem kinh văn:

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc và các thiên nhân, công đức trí tuệ của Thanh văn, Bồ-tát ở nước Phật Vô Lượng Thọ không thể nói hết được. Lại cõi nước ấy vi diệu, an lạc, thanh tịnh như vậy, sao không gắng sức làm thiện, niệm đạo đến tự nhiên?

Trước hết, chúng ta hãy xem sáu câu kinh văn đầu:

“Phật bảo Bồ-tát Di-lặc và các thiên nhân, công đức trí tuệ của Thanh văn, Bồ-tát ở nước Phật Vô Lượng Thọ không thể nói hết được.”

Từ phẩm kinh văn này trở về trước, tôn giả A-nan là người đương cơ nhất. Từ phẩm này trở về sau, Bồ-tát Di-lặc là bậc đương cơ nhất.

“Công đức trí tuệ không thể nói hết được”, Phật bảo Bồ-tát Di-lặc và đại chúng rằng: Thanh văn và Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc có công đức trí tuệ cực kỳ thù thắng trang nghiêm, căn bản không có cách nào tuyên nói. Có lẽ sẽ người hỏi: ở Cực Lạc sao vẫn còn hàng Thanh văn, chẳng phải là phải xa lìa cảnh giới Nhị thừa sao? Chúng Thanh văn ở thế giới Cực Lạc là chỉ cho trình độ chúng quả tương đương với Thanh văn, nhưng thực tế thấy đều phát tâm Đại thừa.

Chúng ta lại xem tiếp năm câu kinh văn sau:

“Lại cõi nước ấy vi diệu, an lạc, thanh tịnh như vậy, sao không gắng sức làm thiện, niệm đạo đến tự nhiên?”

“Lại cõi nước ấy vi diệu, an lạc”, trong Hội Sớ nói: trang nghiêm siêu tuyệt nên gọi là vi diệu; không có khổ não nên gọi là an lạc. Nước, chim, cây cối v.v. ở thế giới Cực Lạc đều là tướng do công đức vô lậu hiển hiện. Bởi vì thật tướng là vô tướng, song chẳng phải là không có tướng, cho nên những gì hiển hiện ra đều là tướng của thật tướng.

“Thanh tịnh như vậy”, vì là tướng do thật tướng hiển hiện, cho nên gọi là thanh tịnh.

“Sao không gắng sức làm thiện”, trong Tịnh Ảnh Sớ nói: niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là vua của các điều thiện, vì sao không nỗ lực niệm Phật cầu sanh Tịnh độ!

“Niệm đạo đến tự nhiên” có hai hàm nghĩa:

1. Trong Hội Sớ nói: Tịnh độ tông gọi là pháp môn tha lực, vào lúc lâm chung, Phật dùng sức tam-muội gia trì cho hành giả, tự nhiên sanh khởi chánh niệm, theo Phật vãng sanh. Đây không phải do tự lực có thể đạt tới, mà nhờ tha lực gia trì, siêu vượt tiến thẳng vào, nên gọi là tự nhiên.

2. Pháp của Tam thừa là tự nhiên vô vi, không phải do tạo tác mà thành, nên gọi là tự nhiên.

Nói tóm lại:

Thứ nhất, lấy tha lực siêu vượt trực tiếp làm tự nhiên.

Thứ hai, lấy vô vi vô tác làm tự nhiên.

Cách nói thứ nhất là thù thắng nhất, bao hàm sự huyền diệu của Tịnh độ tông. Trước tiên bắt đầu từ trì danh, tự nhiên có thể đạt đến lý trì; lý trì chính là vô vi vô tác. Do đó, hai cách nói này bao hàm lẫn nhau.

Trong phẩm kinh văn này có tám chỗ nhắc đến “tự nhiên”. Ví dụ: “tự nhiên nghiêm chỉnh”, “tự nhiên vô vi”, “tự nhiên gìn giữ”, “tướng tự nhiên của tự nhiên”, “tự nhiên tự có căn bản”, “tự nhiên quang minh sắc tướng luân chuyển lẫn nhau”, “tự nhiên bị kéo theo”. “Tự nhiên” được nói ở đây không phải là “tự nhiên” không có nguyên nhân của ngoại đạo. “Tự” chính là tự tánh, “nhiên” chính là thanh tịnh bản nhiên. Tự tánh thanh tịnh bản nhiên gọi là tự nhiên. Cái bản nhiên của tự tánh chính là chân như thật tướng. Cho nên “niệm đạo đến tự nhiên” chính là trì danh niệm Phật, đồng thời cũng chính là niệm thật tướng.

Vì sao nói trì danh chính là niệm thật tướng?

Đại sư Ngẫu Ích trong Di-đà Yếu Giải nói: “Thật tướng không hai, cũng chẳng phải không hai.” Vì vậy, toàn thể của thật tướng chính là y báo và chánh báo. Từ đây có thể biết, pháp thân là thật tướng, báo thân cũng là thật tướng; Phật phương khác là thật tướng, người niệm Phật cũng là thật tướng; cho đến người nói, pháp được nói, người độ và đối tượng được độ, người tin và pháp được tin v.v., hết thảy những điều này đều được chánh ấn của thật tướng in vào. Do đó, trì danh chính là niệm thật tướng.

Kinh này nói “hết thảy đều thành Phật”, kinh Lăng-nghiêm nói “hết thảy sự đều rốt ráo kiên cố”, đây đều là những câu đạt đến chỗ tột đỉnh trong các lời giáo huấn. Đại sư Ấn Quang đã tán thán Di-đà Yếu Giải rằng: Dẫu Thích-ca Mâu-ni Phật đến chú giải, cũng không vượt qua được đại sư Ngẫu Ích.

Bên trên đã nêu rõ công đức thù thắng của thánh chúng ở Cực Lạc, cho đến sự vi diệu của cõi nước Cực Lạc, đồng thời khuyên bảo đại chúng vãng sanh Tịnh độ.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Ra vào cúng dường, quán kinh hành đạo, vui thích huân tập dài lâu, dũng mãnh trí tuệ, tâm không thoái chuyển giữa chừng, ý không lúc nào lười nhác. Ngoài tựa như an nhàn, bên trong luôn tinh tấn. Tâm dung hòa như hư không, khế hợp trung đạo. Trong ngoài tương ưng, tự nhiên nghiêm chỉnh, kiểm thúc thâm liễm, đoan nghiêm chánh trực. Thân tâm khiết tịnh, chẳng có tham ái. Chí nguyện an định, không tăng chẳng giảm. Cầu đạo hòa chánh, không làm theo tà. Tuân theo những ước thúc giáo lệnh trong kinh,

như giữ thờng mực, chẳng dám sơ sẩy. Đều vì mộ đạo, tâm rỗng rang, không có ý niệm nào khác, chẳng có ưu tư.

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Ra vào cúng dường, quán kinh hành đạo, vui thích huân tập dài lâu, dững mãnh trí tuệ, tâm không thoái chuyển giữa chừng, ý không lúc nào lười nhác. Ngoài tựa như an nhàn, bên trong luôn tinh tấn. Tâm dung hòa như hư không, khế hợp trung đạo. Trong ngoài tương ưng, tự nhiên nghiêm chỉnh, kiểm thúc thâm liễm, đoan nghiêm chánh trực. Thân tâm khiết tịnh, chẳng có tham ái.”

“Ra vào cúng dường”, “ra” là đi khắp mười phương cõi Phật để rộng tu cúng dường, “vào” là trở về nước mình để cúng dường A-di-đà Phật. Những điều trên thuộc về tu phước.

“Quán kinh hành đạo”, hoàn toàn khế nhập cảnh giới trong kinh, mọi lúc mọi nơi đều không mất sự quán chiếu, đây thuộc về tu tuệ.

“Vui thích huân tập dài lâu”, phước tuệ song tu như vậy, tự nhiên đạt được pháp hỷ sung mãn, cho nên hoan hỷ huân tập dài lâu.

“Ý không lúc nào lười nhác”, những Bồ-tát này trí tuệ sắc bén, thấu đạt đến lý tột cùng, tin sâu nguyện thiết, kiên định không thoái chuyển, dững mãnh tinh tấn, vĩnh viễn không có tâm giải đãi.

“Ngoài tựa như an nhàn, bên trong luôn tinh tấn”, những Bồ-tát này, nhìn bề ngoài thì thông dong tự tại, điềm nhiên như không có việc gì. Nhưng trong tâm lại tinh tấn không ngừng, niệm niệm tiếp nối, trong khoảnh khắc cũng không để mất sự quán chiếu, giống như Thiên tông nói “khoảnh khắc không giác tỉnh, liền giống như người chết”.

“Tâm dung hòa như hư không, khế hợp trung đạo”, tâm lượng giống như hư không, không có bờ mé, rỗng rang không một vật. Bởi vì hư không là trống rỗng, nên mười phương cõi nước từ trong “không” mà sanh ra. Tự tâm cũng là như thế, do vì “không một vật”, nên không rơi vào bên “có”; lại do “chứa vạn vật” nên cũng không rơi vào bên “không”. Không một vật mà lại chứa vạn vật, không và có cùng chiếu; chứa vạn vật mà lại không một vật, không và có đều dứt bật. Như thế tự nhiên hợp với trung đạo. Giống như kinh Kim Cang nói “nên

không trụ vào đâu mà sanh tâm”. Không trụ mà sanh tâm, sanh tâm mà không trụ, đây chính là ý nghĩa của trung đạo.

“Trong ngoài tương ưng, tự nhiên nghiêm chỉnh, kiểm thúc thâm liễm, đoan nghiêm chánh trực”, những Bồ-tát này nội tâm khế nhập trung đạo, trong ngoài như một, không cần sắp đặt tạo tác mà tự nhiên thành tựu. Uy nghi tự nhiên trang nghiêm chỉnh tề. Nội tâm chánh trực, hành vi đoan chánh, thời thời xoay lại nghe tự tánh, không bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển.

“Thân tâm khiết tịnh, chẳng có tham ái”, do tâm khế nhập trung đạo, thấu đạt “sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc”, nhân đó soi thấu các phiền não khách trần, lìa khỏi ái dục và tham nhiễm, thân tâm tự nhiên thanh tịnh.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Chí nguyện an định, không tăng chẳng giảm. Cầu đạo hòa chánh, không làm theo tà. Tuân theo những ước thúc, giáo lệnh trong kinh như giữ thùng mực, chẳng dám sơ sẩy. Đều vì mộ đạo, tâm rộng rang, không có ý niệm nào khác, chẳng có ưu tư.”

“Chí nguyện an định, không tăng chẳng giảm”, thệ nguyện mà những Bồ-tát này đã phát vững chắc như bàn thạch, không có hiện tượng lúc nóng lúc lạnh, quá mức hay chưa tới mức. Đúng như trong kinh đã nói “dầu cho thân ở trong các khổ, nguyện tâm như thế mãi không thoái”.

“Cầu đạo hòa chánh, không làm theo tà”, dùng tâm trung đạo chánh trực để cầu đạo vô thượng, không bị các tà tri tà kiến làm mê hoặc.

“Tuân theo những ước thúc, giáo lệnh trong kinh, như giữ thùng mực, chẳng dám sơ sẩy”, những Bồ-tát này dựa theo lời dạy trong kinh điển để thúc liễm ba nghiệp thân khẩu ý, giống như đường kẻ đen mà sợi dây mực của người thợ mộc kẻ ra, không có mảy may sai lệch. Đối với kinh pháp của Phật, các ngài chẳng dám mảy may tổn thất, mảy may trái nghịch, lơ là chút nào, chỉ lấy thánh ngôn lượng làm căn cứ. Hiện nay một số người hoằng pháp tự lập ra cái mới lạ, tự làm theo ý riêng, mà không hay biết rằng việc này công không bù nổi tội. Thường nói rằng “lìa kinh một chữ, liền đồng ma nói”. Giới luật của Mật tông quy định: nếu trái nghịch lời Phật thì phải vào địa ngục. Chỉ riêng điều này thôi là đã đáng sợ rồi. Do vậy, ngàn vạn lần không được tùy tiện học Mật, nếu không thì địa ngục ắt sẽ có phần. Đoạn này là lời của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói.

“Đều vì mộ đạo, tâm rỗng rang, không có ý niệm nào khác, chẳng có ưu tư”, những gì trong tâm các ngài ngưỡng mộ và theo đuổi đều là đạo vô thượng, ngoài ra không có ý niệm nào khác. Bởi vì trí tuệ sáng suốt, đầy đủ chánh tín, nên đối với việc đời không chút ưu tư, đối với Phật pháp không chút nghi hoặc. Đối với Tịnh độ tông mà nói, “tâm rỗng rang, không có ý niệm nào khác” chính là buông xuống vạn duyên; “đều vì mộ đạo” chính là chỉ đề khởi một niệm; “chẳng có ưu tư” thì một niệm ngay hiện tại chính là như vậy.

Bên trên nói về công đức thù thắng của thánh chúng ở Cực Lạc.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Tự nhiên vô vi, hư không chẳng lập một pháp, diễm đạm an tĩnh vô dục, tạo thành thiện nguyện, hết lòng tìm tòi nỗ lực, thương xót từ mẫn, đều hợp lẽ nghĩa. Sự tướng lý thể viên dung, quá độ giải thoát.

“Tự nhiên vô vi”, bởi vì đã “khế hợp trung đạo”, thông dong nơi trung đạo, nên không dùng bất kỳ sức lực nào để đạt được mục đích, mà là tự nhiên an trụ trong pháp vô vi.

“Hư không chẳng lập một pháp”, tâm các ngài giống như hư không, không lập một pháp, không dính một bụi trần. Đúng như Thiên tông nói: “Trong cửa này của ta, thực không có một pháp nào để cho người.”

“Diễm đạm an tĩnh vô dục”, tâm các ngài diễm đạm an tĩnh, không có các dục vọng tham sân si. Đúng như trong kinh nói “cũng không mong cầu hay chẳng không mong cầu”.

“Tạo thành thiện nguyện, hết lòng tìm tòi nỗ lực”, ba câu kinh văn trên hiển thị “cảnh giới cứu cánh chân thật, không dính một mảy trần”, song trong vạn hạnh môn lại “không bỏ một pháp”. Do đó nói là: phát khởi đại nguyện, hết lòng tìm cầu. Như trong phẩm “Đức tuân Phổ Hiền” nói: những đại Bồ-tát này “vào không, vô tướng, vô nguyện pháp môn”, đồng thời “thấy đều cùng tu đức của đại sĩ Phổ Hiền, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện”. Không, vô tướng, vô nguyện là thuộc về lý; đầy đủ vô lượng hạnh nguyện là thuộc về sự. Tất cả điều này đều hiển thị ý nghĩa “lý sự vô ngại”.

“Thương xót từ mẫn”, những Bồ-tát này đại từ đại bi, dù biết rõ không có một chúng sanh nào để độ, nhưng hạnh nguyện độ sanh không có cùng tận.

“Đều hợp lẽ nghĩa”, sự giáo hóa của Bồ-tát tùy thuận tương ứng với các quan niệm đạo đức, quy định pháp luật và phong tục tập quán của thế gian.

“Sự tướng lý thể viên dung, quá độ giải thoát”, những Bồ-tát này sự lý viên dung vô ngại, không chỉ tự mình thoát ly sanh tử, mà còn nhiếp thọ tất cả chúng sanh đều thoát khỏi sanh tử, vĩnh viễn được giải thoát.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Tự nhiên gìn giữ, chân chân khiết bạch, chí nguyện vô thượng, tịnh định an lạc. Bồng nhiên khai ngộ thấu triệt tướng tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản, tự nhiên quang minh sắc tướng luân chuyển lẫn nhau, chuyển biến tối thắng. Như châu Uất-đơn sanh ra bảy báu, tự nhiên hiện ra vạn vật, quang minh tịnh khiết đồng thời xuất hiện, tốt đẹp không gì bằng, soi tỏ không cao thấp, thấu đạt không bờ mé.

Đoạn kinh văn này chia thành hai đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Tự nhiên gìn giữ, chân chân khiết bạch, chí nguyện vô thượng, tịnh định an lạc. Bồng nhiên khai ngộ thấu triệt tướng tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản, tự nhiên quang minh sắc tướng luân chuyển lẫn nhau, chuyển biến tối thắng.”

“Tự nhiên gìn giữ”, đây chính là “bảo nhậm” của Thiên tông. “Tự nhiên” nghĩa là tự tại tùy duyên, muốn đi thì đi, muốn ngồi thì ngồi, không chút dáng vẻ tạo tác. “Gìn giữ” nghĩa là niệm trước và niệm sau, niệm niệm không khác, an trụ vào trong pháp thân thật tướng. Thông thường mà nói, bảo nhậm là việc sau khi khai ngộ. Tuy nhiên, xét từ các cảnh giới trên, những Bồ-tát này tuy đều đã khai ngộ nhưng vẫn có sự khác biệt về cấp bậc. Do đó, “bảo nhậm” này là chỉ cho việc trước khi đại ngộ.

“Chân chân khiết bạch”, “chân” chính là “chân” trong nhất chân pháp giới, chân như bản tánh, chân tâm diệu minh. “Chân chân”, hai chữ chân đặt cạnh nhau biểu thị không phải là “chân” đối lập với “vọng”, mà là cái “chân” dứt tuyệt đối đăi, cái chân thật nhất. “Khiết bạch” là không có cấu bần, không bị ô nhiễm. “Chân chân khiết bạch” biểu thị tâm tánh vốn dĩ thanh tịnh, trước giờ chưa từng bị ô nhiễm. Lục tổ nói: “Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh.” Thiên sư Bách Trượng nói: “Tâm tánh vô nhiễm, vốn tự tròn đầy.” Thứ được bảo nhậm chính là chân tâm dứt tuyệt đối đăi, vốn thanh tịnh vô nhiễm này.

“Chí nguyện vô thượng”, trong Vãng Sanh Luận Chú nói: thấu tột đến tận nguồn tâm, không còn gì cao hơn nữa, gọi là “vô thượng”. Đây chính là việc vượt

ngoài pháp thân mà Thiền tông thường nói, không rơi vào trong phạm vi của pháp thân. Về phía Tịnh tông mà nói, đây chính là cảnh giới Thường tịch quang, các ngài lấy điều này làm “chí nguyện”.

“Tịnh định an lạc”, “tịnh định” là chỉ tâm các ngài thanh tịnh, tịch nhiên bất động. “An lạc” là an nhiên tự tại, tùy duyên nhậm vận, pháp hỷ sung mãn.

“Bồ đề khai ngộ thấu triệt”, “bồ đề” là một sát-na trong thời gian nào đó. Vì sao không nói thời gian cụ thể? Vì cái “vô thượng” này không phải do đi mà đạt đến được, nên không có lộ trình để tính toán, cũng không có thời hạn để bàn định. Phải trừ sạch cái tâm “có sở đắc” thì mới đạt đến “chỗ đi chẳng thể đến được”.

Tổ sư Cao Phong nói: trong vô tâm tam-muội, bồ đề sờ phải, chạm vào, trong sát-na thấu tận nguồn tâm, khế nhập bản tâm. Giống như một hệ thống tự động toàn bộ, hễ chạm vào công tắc, cả hệ thống sẽ vận hành. Thiền tông gọi đây là “cái chót hướng thượng”. Đây cũng là cảnh giới lý nhất tâm của Tịnh tông. Cho nên “bồ đề khai ngộ thấu triệt” chính là đại triệt đại ngộ của Thiền tông.

“Tướng tự nhiên của tự nhiên”, cái ngộ được là gì? Chỉ là “tướng tự nhiên của tự nhiên”. Như trong kinh Lăng-nghiêm nói: có một người vì không nhìn thấy đầu mình nên tưởng đầu đã mất, bèn điên cuồng chạy khắp nơi tìm kiếm. Một ngày nọ, anh ta đột nhiên hiểu ra, đầu mình vốn vẫn ở đó. Lại như cổ đức khi ngộ đạo nói: “Hóa ra tỳ-kheo-ni chính là phụ nữ.” Hay như: “Sớm biết đèn là lửa thì cơm đã chín từ lâu.” Đây đều là những việc cực kỳ tự nhiên. Người chưa ngộ đạo thì núi là núi, nước là nước; người mới ngộ đạo thì núi chẳng phải là núi, nước chẳng phải là nước; người đại triệt đại ngộ thì núi vẫn là núi, nước vẫn là nước.

Tổ sư Cao Phong nói: “Trở về vẫn là người xưa cũ, chẳng đổi cách đi đứng thuở nào.” Tất cả chỉ là vẫn như cũ, đây mới tự nhiên biết bao. Về phía Tông môn mà nói, đây là cảnh giới cao nhất. Hết thấy núi sông, nam nữ, lúc nay, thuở xưa v.v., không thứ gì không được chánh ấn của thật tướng in vào. Tất cả đều thanh tịnh bản nhiên, tất cả đều là “tướng tự nhiên của tự nhiên”.

“Tự nhiên tự có căn bản”, “căn bản” là bản thể, là nguồn gốc của tất cả các pháp. Mọi sự việc từ bản thể lưu hiện ra, rồi cũng đều trở về bản thể. Từ “có” trong “tự nhiên tự có căn bản” cực kỳ quan trọng. Như kẻ điên tìm đầu, đầu vốn sẵn có, không phải từ bên ngoài mà được. Trong Tâm Vương Minh, Phó Đại sĩ nói: “Như vị muối trong nước, chất keo xanh trong sắc, nhất định là có, nhưng chẳng thấy hình.” Trong nước có vị mặn hay không? Xác thực là có, nhưng vị

mặn là gì? Tròn hay vuông? Xanh hay trắng? Vị mặn không thể nắm bắt được. Tuy không nắm bắt được vị mặn nhưng nhất định là “có”. Tổ sư Tào Sơn nói: “Bất luận là ở trong phiền não hay trong vô minh, chỉ cần ‘biết có’ là được.” Thế nên chữ “có” này vô cùng vô cùng quan trọng, vạn lần không được bỏ qua!

“Tự nhiên tự có căn bản” có hai cách giải thích:

1. Tuy muôn hình vạn trạng, song thể tánh không hai, giống như ngàn con sóng đều là nước. Trong cái tự nhiên tự có bản thể, bản thể này chính là căn bản.

2. Không phải do tạo tác mà thành. Một niệm tự nhiên đốn ngộ, tức khắc thấy được chân như tự tánh, thấu hiểu tất cả pháp đều ở trong tự tâm, tự tâm này chính là căn bản. Tức khắc thấy được cái gì? Nhìn thấy rõ ràng mà chẳng thấy gì cả, tuy chẳng thấy gì cả mà lại thấy rõ ràng. Đây không phải là điều mà tư duy ngôn ngữ có thể đạt tới được.

Trong kinh Tịnh Danh nói: khi ấy bất chợt đại ngộ, thứ đắc được vẫn là bản tâm. Giống như kẻ điên kia lúc tìm thấy đầu mới bừng tỉnh hiểu ra, thật ra đầu chưa từng mất, chỉ là đột nhiên nhận ra mà thôi. Minh tâm kiến tánh cũng là như thế, chỉ là đột nhiên tỉnh ngộ mà thôi. Kinh Bồ-tát Giới nói: “Tự tánh của ta vốn thanh tịnh, nếu rõ được tự tâm, thấy được tánh, thì đều thành Phật đạo.” Điều này đủ để chứng minh lời ngài Tào Sơn nói “chỉ cần biết ‘có’ là được”, đây chính là tâm ấn mà chư Phật truyền cho nhau. Ngài Tràm Ngu nói: “Tào Sơn tự ví mình với Lục tổ, cũng chỉ vì nắm được máu chốt này.”

“Tự nhiên quang minh sắc tướng luân chuyển lẫn nhau, chuyển biến tới thẳng”, bởi vì thể của thật tướng chẳng phải tịch, chẳng phải chiếu, mà lại thường tịch thường chiếu, cho nên từ trong thật tướng hiển hiện ra vô lượng diệu quang diệu sắc. Trong mỗi quang minh có đủ loại màu sắc, trong mỗi màu sắc có đủ loại quang minh; trong quang minh lại hóa ra vô lượng chư Phật, vô lượng chư Phật lại phóng vô lượng quang minh. Quang minh này nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật mười phương, lại vượt hơn tất cả thế giới trong mười phương. Có thể thấy, mọi sự trang nghiêm của y báo và chánh báo ở Cực Lạc đều là do tự tánh hiển hiện ra.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!